

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG
(Dành cho sinh viên từ khóa 62)

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG
NGÀNH: KINH TẾ VẬN TẢI
MÃ NGÀNH: 7840104

HẢI PHÒNG, 9/2021

MỤC LỤC

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH	2
1.1. Giới thiệu chương trình	2
1.2. Thông tin chung về chương trình	2
1.3. Triết lý giáo dục	2
1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình	2
1.5. Mục tiêu của chương trình	2
1.6. Kết quả học tập dự kiến	3
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	12
1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	13
1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá	14
2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	
2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức	16
2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ	18
2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa	22
2.4. Tóm tắt các học phần	25

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo chuyên ngành Logistics và chuỗi cung ứng do Khoa Kinh tế xây dựng, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thẩm định và ban hành. Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21.

1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình:	CTĐT cử nhân Logistics và chuỗi cung ứng
Cơ quan/Viện trao bằng cấp:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Các đơn vị tham gia giảng dạy:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Chứng nhận chuyên môn:	Bằng đại học
Học vị sau tốt nghiệp:	Cử nhân
Mô hình học tập:	Toàn thời gian
Tổng số tín chỉ:	124
Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
Thời lượng đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
Website:	http://vimaru.edu.vn
Cập nhật lần cuối:	Tháng 9/2021

1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”.

1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển và công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc, hội nhập quốc tế nói chung.

1.5. Mục tiêu của chương trình

Đào tạo cử nhân ngành Logistics một cách toàn diện trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế về giáo dục đại học, đó là sự kết hợp giữa các mặt: kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành

và phẩm chất đạo đức. Sinh viên ra trường có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Chương trình trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết cho nguồn lao động trong lĩnh vực Logistics. Sinh viên có khả năng tác nghiệp, kinh doanh, phân tích, nghiên cứu về các vấn đề logistics và có khả năng tiếp tục học tập, tham gia ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực logistics.

Sinh viên ra trường có tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có kỹ năng giao tiếp tốt và làm việc hiệu quả, có khả năng giao tiếp và làm việc bằng tiếng Anh.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TDNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH		
1.1	Kiến thức cơ bản về toán học và KHTN		
1.1.1	Toán chuyên đề		3.5
1.1.1.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về toán học tối ưu</i>	K1	3.5
1.1.1.2	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về xác suất và quy luật phân bố xác suất</i>		3.5
1.2	Kiến thức cơ bản về KHXH, khoa học chính trị, pháp luật và quản lý		
1.2.1	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	K2	3.5
1.2.1.1	<i>Có khả năng hiểu và tiếp nhận, phản hồi hệ thống những quan điểm về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.</i>		3.5
1.2.2	Nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	K2	3.5
1.2.2.1	<i>Có khả năng hiểu về các phương thức sản xuất, học thuyết kinh tế từ đó hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội</i>		3.5
1.2.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K2	3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.2.3.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh từ đó góp phần xây dựng nền tảng con người mới.</i>		3.5
1.2.4	Pháp luật đại cương	K2	3.0
1.2.4.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh</i>		3.0
1.2.4.2	<i>Nắm được địa vị các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân</i>		3.0
1.2.5	Đường lối cách mạng ĐCSVN	K2	3.5
1.2.5.1	<i>Có khả năng hiểu biết về các kiến thức cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ đó ý thức được trách nhiệm công dân của mình đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng</i>		3.5
1.2.5.2	<i>Có khả năng áp dụng các hiểu biết về lý luận kinh tế, chính trị, xã hội giải thích lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin về chủ nghĩa xã hội</i>		3.5
1.3	Kiến thức cơ sở ngành		
1.3.1	Giới thiệu ngành	K1	2.0
1.3.1.1	<i>Hiểu được một số kiến thức, kỹ năng cơ bản, thái độ, đạo đức nghề nghiệp của ngành kinh tế</i>		2.0
1.3.2	Kinh tế vi mô	K1	2.0
1.3.2.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, lý thuyết cung cầu, lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất</i>		2.0
1.3.2.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về các cấu trúc của thị trường, các thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ</i>		2.0
1.3.3	Kinh tế vĩ mô	K1	2.0
1.3.3.1	<i>Có hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm, cách tính toán và ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô</i>		2.0
1.3.3.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về những chính sách của chính phủ và tác động của chúng đến nền kinh tế.</i>		2.0

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.3.4	Tài chính tiền tệ	K1	2.5
1.3.4.1	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng các lý luận nền tảng về tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, làm tiền đề để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Tài chính Kế toán, bao gồm các kiến thức chung về thị trường tài chính, tài chính doanh nghiệp, giá trị thời gian của tiền, các định chế tài chính và quá trình cung ứng tiền tệ.</i>		2.5
1.3.5	Nguyên lý kế toán	K1	2.5
1.3.5.1	<i>Có khả năng hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán trong doanh nghiệp</i>		2.5
1.3.5.2	<i>Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để làm các công việc kế toán đơn giản, các định khoản đơn giản, lập báo cáo tài chính</i>		2.5
1.3.6	Nguyên lý thống kê	K1	2.5
1.3.6.1	<i>Có những hiểu biết mang tính hệ thống về các nguyên tắc, nguyên lý thống kê, các bảng biểu thống kê thường gặp trong thực tiễn.</i>		2.5
1.3.6.2	<i>Có khả năng áp dụng, xây dựng và cung cấp các phương pháp phân tích đánh giá mặt lượng các hoạt động kinh tế - xã hội của các tổ chức, đơn vị.</i>		2.5
1.3.7	Kinh tế lượng	K1	3.0
1.3.8.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, các bước tiến hành để đi lượng hóa mối quan hệ giữa các biến kinh tế, hiểu thế nào là phân tích hồi quy.</i>		3.0
1.3.8.2	<i>Có hiểu biết cơ bản về hàm hồi quy đơn, hàm hồi quy bội, hàm hồi quy biến giả.</i>		3.0
1.3.8.3	<i>Có khả năng đánh giá mức độ phù hợp của mô hình, phát hiện các khuyết tật và biện pháp khắc phục nếu có, để có thể phục vụ cho công tác dự báo trong nghiên cứu kinh tế.</i>		3.0
1.3.8	Thuế vụ	K1	2
1.3.8.1	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức chung về thuế và nội dung cơ bản của chính sách thuế hiện hành. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng được cách tính các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đề</i>		2.0

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<i>cập tới các nội dung: Đại cương về thuế; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế bảo vệ môi trường; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân.</i>		
1.3.9	Logistics và vận tải đa phương thức	K1	2.5
1.3.9.1	<i>Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản tổng quan về các hoạt động logistics, vận tải đa phương thức quốc tế.</i>		2.5
1.3.9.2	<i>Hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản tổng quan về cơ sở vật chất kỹ thuật trong vận tải đa phương thức; hệ thống luật thương mại và chứng từ trong vận tải đa phương thức; tổ chức vận tải đa phương thức</i>		2.5
1.3.10	Kinh tế vận chuyển đường biển	K1	3.5
1.3.10.1	<i>Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về Kinh tế vận chuyển bằng đường biển và ảnh hưởng của các yếu tố tới công tác kinh doanh khai thác đội tàu vận tải biển.</i>		3.5
1.3.10.2	<i>Cung cấp sinh viên kiến thức về đặc điểm ngành, tổng quan về kinh tế vận tải biển, thị trường vận tải, cung cầu vận chuyển, chi phí vận tải biển, giá cước vận tải đường biển, các chỉ tiêu kinh tế - khai thác và hiệu quả trong vận tải biển cũng như các kiến thức tổng quát có liên quan.</i>		3.5
1.3.11	Đại lý tàu và giao nhận hàng hoá	K1	2.5
1.3.11.1	<i>Giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về Đại lý tàu biển và giao nhận hàng hóa tại cảng biển và các khung pháp lý chi phối tới hoạt động đại lý tàu biển và giao nhận ở Việt Nam. Trang bị kiến thức cơ bản và thực hành các kỹ năng kỹ thuật cơ bản về hoạt động môi giới trong lĩnh vực hàng hải.</i>		2.5
1.3.12	Phân tích hoạt động kinh tế ngành LQC	K1	3.0
1.3.12.1	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống cơ sở lý luận của PTHĐKT, đánh giá chung tình hình SXKD của doanh nghiệp.</i>		3.0
1.3.12.2	<i>Có khả năng phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu sản lượng, tình hình sử dụng TSCĐ, tình hình Lao động – tiền lương, tình</i>		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
	<i>hình thực hiện chỉ tiêu giá thành, tình hình thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận, tình hình tài chính.</i>		
1.3.13	Giao dịch thương mại QT	K1	2.5
1.3.13.1	<i>Có kiến thức một cách tổng quát về các nghiệp vụ mua bán hàng hóa chủ yếu trên thị trường thế giới, cách thức tạo lập và tiến hành các giao dịch hợp đồng.</i>		2.5
1.3.13.2	<i>Có kiến thức cơ bản về các nội dung liên quan đến hợp đồng mua bán quốc tế bao gồm các điều kiện để hợp đồng có hiệu lực, những quy định liên quan đến hình thức của hợp đồng, nội dung cơ bản của một hợp đồng mua bán quốc tế,...</i>		2.5
1.3.14	Pháp luật thương mại QT	K1	3.0
1.3.14.1	<i>Có kiến thức về luật thương mại trong môi trường kinh doanh quốc tế, cụ thể là vấn đề pháp luật kinh doanh quốc tế trong đó có nghiên cứu tổng quan về các hệ thống pháp luật trên thế giới</i>		3.0
1.3.14.2	<i>Có kiến thức về hợp đồng kinh doanh quốc tế, bao gồm các nội dung cơ bản như giới thiệu tổng quan, điều kiện hiệu lực, hợp đồng điện tử...</i>		3.0
1.3.14.3	<i>Có kiến thức cơ bản về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế, bao gồm kiến thức tổng quan và các phương thức giải quyết tranh chấp mang tính tài phán và không mang tính tài phán</i>		3.0
1.3.15	Thực tập cơ sở ngành	K1	2.5
1.3.15.1	<i>Có khả năng tìm hiểu thực tế và viết báo cáo</i>		2.5
1.4	Kiến thức chuyên ngành, phương pháp và công cụ		
1.4.1	Logistics toàn cầu	K1	3.5
1.4.1.1	<i>Có hiểu biết một cách hệ thống về hoạt động, bối cảnh của logistics toàn cầu</i>		3.5
1.4.1.2	<i>Có thể triển khai một tình huống tổ chức Logistics quốc tế</i>		3.5
1.4.2	Marketing Logistics	K1	3.0
1.4.2.1	<i>Có thể hiểu các khái niệm cơ bản về marketing</i>		3.0
1.4.2.2	<i>Có thể hiểu và giải thích mối quan hệ giữa các hoạt động Logistics và chiến lược marketing</i>		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.4.3	Logistics cảng biển	K1	4.0
1.4.3.1	<i>Có thể hiểu biết và giải thích một cách hệ thống về cấu trúc, thành phần, hạ tầng, trang thiết bị, chức năng và hoạt động cảng biển</i>		4.0
1.4.3.2	<i>Có khả năng triển khai một tình huống tổ chức hoạt động Logistics cảng biển</i>		4.0
1.4.4	Logistics vận tải	K1	4.0
1.4.4.1	<i>Có hiểu biết về các phương thức vận tải và vai trò của hoạt động vận tải trong chuỗi logistics</i>		4.0
1.4.4.2	<i>Có khả năng triển khai một tình huống tổ chức hoạt động Logistics vận tải</i>		4.0
1.4.5	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	K1	3.0
1.4.5.1	<i>Có thể hiểu vai trò, yêu cầu và vấn đề đặt ra đối với quản trị chuỗi cung ứng</i>		3.0
1.4.5.2	<i>Có hiểu và giải thích được các nguyên tắc, đặc điểm của các chiến lược quản trị chuỗi cung ứng</i>		3.0
1.4.6	Thiết kế hệ thống logistics	K1	3.5
1.4.6.1	<i>Có thể hiểu vị trí, vai trò của của hoạt động hoạt động thiết kế hệ thống Logistics trong việc tổ chức, điều hành các chuỗi và hệ thống Logistics, chuỗi cung ứng</i>		3.5
1.4.6.2	<i>Có thể sử dụng các công cụ phần mềm để thiết kế hệ thống logistics</i>		3.5
1.4.6.3	<i>Có thể phân tích kết quả của các mô hình hệ thống logistics từ phần mềm để đưa ra các hỗ trợ ra quyết định</i>		3.5
1.4.7	Quản trị kho hàng	K1	4.0
1.4.7.1	<i>Có hiểu biết về các bộ phận, cấu trúc và các loại kho hàng cũng như hệ thống trang thiết bị trong kho hàng</i>		4.0
1.4.7.2	<i>Có thể hiểu, mô tả và giải thích các nguyên lý quản trị kho hàng</i>		4.0
1.4.7.3	<i>Có khả năng thiết kế một kho hàng theo tình huống cụ thể</i>		4.0
1.4.8	Logistic dịch vụ	K1	3.5
1.4.8.1	<i>Có hiểu biết về chức năng của các nhà cung cấp dịch vụ</i>		3.5

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.4.8.2	<i>Có khả năng vận dụng quy trình dịch vụ cho các tình huống cụ thể</i>		3.5
1.4.9	Thực tập chuyên ngành	K4	3.0
1.4.9.1	<i>Có thể tìm hiểu và viết báo cáo mô tả về một trong những nghiệp vụ trong hoạt động dịch vụ Logistics trên cơ sở tìm hiểu và trải nghiệm tại doanh nghiệp</i>		3.0
1.4.10	Thực tập tốt nghiệp	K5	4.0
1.4.10.1	<i>Có thể tìm hiểu và viết báo cáo mô tả, phân tích về thực tiễn thực hiện một trong những nghiệp vụ trong hoạt động dịch vụ Logistics... trên cơ sở tìm hiểu và trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp</i>		4.0
1.5	Kiến thức tự chọn		
1.5.1	Tin học văn phòng	K3	3.0
1.5.1.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản của MS Word, MS Excell giải quyết các vấn đề soạn thảo văn bản và xử lý bảng tính. Cho thấy khả năng sử dụng thành thạo các chức năng cơ bản của MS Word, MS Excell.</i>		3.0
1.5.2	Kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế	K1	2.5
1.5.2.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh</i>		2.5
1.5.2.2	<i>Nắm được địa vị các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân</i>		2.5
1.5.3	Kiến thức về luật vận tải biển	K1	2.0
1.5.3.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về các công ước quốc tế và luật pháp Việt Nam trong lĩnh vực vận tải biển</i>		2.0
1.5.4	Thị trường Chứng khoán	K1	3.0
1.5.4.1	<i>Có khả năng hiểu được tổng quan về thị trường chứng khoán thế giới cũng như của Việt Nam</i>		3.0
1.5.4.2	<i>Có khả năng hiểu cách tính cũng như ý nghĩa của các chỉ số: thu nhập một cổ phiếu thường, hệ số P/E, giá trị sổ sách một cổ phiếu thường...</i>		3.0
1.5.4.3	<i>Có khả năng hiểu và vận dụng các kiến thức đã học để giao dịch chứng khoán</i>		3.0

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.5.5	Môi trường và bảo vệ môi trường	K1	2.0
1.5.5.1	<i>Có hiểu biết cơ bản các kiến thức cơ bản về môi trường, suy thoái và ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, các biện pháp bảo vệ môi trường</i>		2.0
1.5.6	Kỹ năng mềm 1	K1	3.0
1.5.6.1	<i>Có khả năng hiểu các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm để áp dụng vào việc học tập, nghiên cứu và môi trường thực tế.</i>		3.0
1.5.7	Kỹ năng mềm 2	K1	3.0
1.5.7.1	<i>Có khả năng hiểu các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ năng lập hồ sơ và phỏng vấn tuyển dụng, kỹ năng làm việc hiệu quả.</i>		3.0
1.5.8	Kinh tế công cộng		3.0
1.5.8.1	<i>Có khả năng hiểu về các chủ đề kinh tế công cộng. Nghiên cứu hiệu quả kinh tế cũng như vai trò của chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa, vấn đề lựa chọn công cộng và các công cụ chính sách của chính phủ khi can thiệp vào cơ chế thị trường.</i>		3.0
1.5.9	Kiến thức ngoại ngữ	K1	3.0
1.5.10	Văn hoá Doanh nghiệp	K1	3.0
1.5.11	Quản trị Doanh nghiệp	K1	2.5
1.5.11.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về phương pháp quản lý của nhà quản trị và các nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp như: hoạch định, nhân sự, chi phí và kết quả, kiểm soát.</i>		2.5
1.5.11.2	<i>Có khả năng xác định đúng mức độ quan trọng của các phương pháp quản lý ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh để mang lại thành công cho doanh nghiệp.</i>		2.5
1.5.12	Khoa học quản lý	K1	2.0
1.5.12.1	<i>Có khả năng hiểu về lý thuyết hệ thống trong quản lý, tổng quan về quản lý, các quy luật và các nguyên tắc trong quản lý.</i>		2.0
1.5.12.2	<i>Có khả năng hiểu, nhận xét và phân tích các chức năng quản lý, các phương pháp và nghệ thuật quản lý.</i>		2.0

Mã số	Nội dung	Khung TDQG	TĐNL
1.5.13	Bảo hiểm trong NT	K1	2.5
1.5.13.1	Hiểu được khái niệm chung về bảo hiểm, các loại hình bảo hiểm, các nguyên tắc xác định giá trị và bồi thường tổn thất của đối tượng bảo hiểm.		2.5
1.5.14	Khoa học giao tiếp	K1	2.5
1.5.14.1	Có kiến thức cơ bản và hệ thống về giao tiếp, vai trò của giao tiếp trong kinh doanh quốc tế, các kỹ năng cần thiết trong giao tiếp		2.5
1.5.14.2	Hiểu, phân tích và vận dụng được các kỹ năng giao tiếp trong kinh tế đối ngoại như cách lập một số loại thư tín thương mại; cách sắp xếp chỗ ngồi cho các buổi lễ, sự kiện; cách thức tổ chức một buổi lễ; kiến thức cơ bản về đàm phán		2.5
1.5.15	Nghiệp vụ hải quan	K1	2.5
1.5.15.1	Nắm được những vấn đề cơ bản về nghiệp vụ hải quan, chủ yếu được xem xét từ góc độ người chủ hàng hóa và dịch vụ xuất nhập khẩu		2.5
1.5.15.2	Thành thạo các nghiệp vụ xác định trị giá tính thuế hải quan, xác định xuất xứ hàng hóa, kỹ năng lập bộ hồ sơ hải quan và thực hiện quy trình khai hải quan		2.5
1.5.16	Quản trị nhân lực	K1	2.0
1.5.17	Quan hệ kinh tế quốc tế	K1	2.0
1.5.18	Khóa luận tốt nghiệp	K5	4.0
1.5.19	Kinh doanh dịch vụ Logistics	K5	4.0
	Hiểu những vấn đề cơ bản của dịch vụ Logistics và có khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ Logistics cho khách hàng		
1.5.20	Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng	K5	4.0
	Hiểu sự khác biệt giữa Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng cũng như có khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý Logistics và Chuỗi cung ứng		

Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TĐNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. <i>Có biết hoặc trải qua</i>			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thực
4. Có kỹ <i>năng</i> thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5. Có thể <i>dẫn đắt</i> hoặc <i>sáng tạo</i> trong	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Logistics có khả năng làm việc tại các doanh nghiệp khai thác kinh doanh dịch vụ logistics.

Cử nhân Logistics có khả năng làm việc ở các vị trí điều phối, tổ chức hoạt động logistics trong bất cứ loại hình, lĩnh vực nào mà tự tổ chức thực hiện các hoạt động logistics trong nội bộ các doanh nghiệp đó.

Cử nhân Logistics có khả năng giảng dạy, tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp về lĩnh vực được đào tạo, tham gia nghiên cứu, phát triển công nghệ về lĩnh vực Logistics.

1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chuẩn nhập học

1. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

3. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

1.8.2. Quy trình đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.
- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.
- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.
- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.
- Thời khóa biểu của các lớp học phân được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký học phần học tập của từng kỳ, đóng học phí. Mỗi sinh viên sẽ có một thời khóa biểu riêng tùy thuộc vào kết quả đăng ký học phần. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã đăng ký và thực hiện hoạt động

học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

d) Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC.

e) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

g) Có đơn gửi Khoa/Viện đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá

1.9.1. Các chiến lược dạy - học

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

1.9.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập

a. Thành phần điểm đánh giá học phần:

- Điểm đánh giá học phần gồm các thành phần sau:

Z: điểm đánh giá học phần;

X: điểm đánh giá trong quá trình học tập. Cách đánh giá điểm X do các bộ môn tự thống nhất.

Y: điểm thi, đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

- Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá Đạt các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

- Các phương pháp đánh giá học phần: tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

b. Công thức tính điểm đánh giá học phần

b.1. Đối với các học phần loại I

$$Z = 0,5X + 0,5Y$$

Để được dự thi kết thúc học phần, sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$. Trường hợp không đủ điều kiện dự thi thì ghi $X = 0$ và $Z = 0$ (không đủ điều kiện dự thi). Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 . Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.2. Đối với các học phần loại II

$$Z = Y$$

Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện ≥ 4 .

Trường hợp $Y < 4$ thì $Z = 0$. Điểm Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.3. Đối với các học phần loại III

$$Z = X$$

Sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần $X_i \geq 4$.

c. Quy trình cho điểm X, Y, Z:

c.1. Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

c.2. Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo

d. Thang điểm

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức

Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 124 TC

(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)

- a. Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản (không tính ngoại ngữ, tin học): 15 TC.
- b. Khối kiến thức, kỹ năng cơ sở: 41 TC
- c. Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành: 41 TC.
- d. Khối kiến thức, kỹ năng tự chọn: 32 TC.

Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
I. KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH TÍCH LŨY			12				
I.1. Giáo dục thể chất (không tích lũy)			4				
I.2. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)			8				
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ BẢN			15				
1	19106	NLCB của CN Mác-Lênin 1	2	1.2.1	TU3	1	
2	19109	NLCB của CN Mác-Lênin 2	3	1.2.1	TU3	2	19106
3	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1.2.1	TU3.5	2	19106
4	19301	Đường lối cách mạng ĐCSVN	3	1.2.1	TU3.5	3	19201
5	18125	Toán chuyên đề	3	1.1.1	T3	1	
6	11401	Pháp luật đại cương	2	1.2.2	T2.5	2	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CƠ SỞ			41				
7	15115	Giới thiệu ngành kinh tế	2	1.3.1	IT2	1	
8	15101	Kinh tế vi mô	3	1.3.2	IT2	1	
9	15102	Kinh tế vĩ mô	3	1.3.3	TU2	2	15101
10	28301	Tài chính tiền tệ	3	1.3.4	TU2.5	1	
11	28108	Nguyên lý kế toán	3	1.3.5	TU2.5	3	28301
12	15117	Nguyên lý thống kê	2	1.3.6	TU2.5	3	18125
13	15105	Kinh tế lượng	3	1.3.7	TU2.5	3	18125
14	28307	Thuế vụ	2	1.3.8	TU2	3	
15	15815	Logistics và vận tải ĐPT	3	1.3.9	TU2.5	4	
16	15326	Kinh tế vận chuyển đường biển	3	1.3.10	TU2.5	4	
17	15329	Đại lý tàu và giao nhận hàng hoá	3	1.3.11	TU2.5	5	15102
18	15133	Phân tích các hoạt động kinh tế ngành LQC	3	1.3.12	TU3	6	
19	15635	Giao dịch thương mại quốc tế	3	1.3.13	TU2.5	4	
20	15631	Pháp luật thương mại quốc tế	3	1.3.14	TU3	5	
21	15831	Thực tập cơ sở ngành Logistics	2	1.3.15	TU2.5	5	
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH			41				
22	15805	Logistics toàn cầu	4	1.4.1	TU 3.5	4	
23	15816	Marketing Logistics	2	1.4.2	TU 3	6	
24	15803	Logistics cảng biển	4	1.4.3	TU 3.5	5	15101

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
25	15804	Logistics vận tải	5	1.4.4	TU 3.5	6	15815
26	15811	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	2	1.4.5	TU 3	7	15815
27	15807	Thiết kế hệ thống Logistics	4	1.4.6	TU 3.5	7	15815
28	15817	Quản trị kho hàng	5	1.4.7	TU 3.5	7	15815
29	15814	Logistics dịch vụ	3	1.4.8	TU3.5	6	15805
30	15809	Kinh doanh dịch vụ Logistics	3				
31	15810	Logistics và quản trị chuỗi cung ứng	3				
32	15832	Thực tập chuyên ngành Logistics	2	1.4.9	TU 3	8	15831
33	15833	Thực tập tốt nghiệp	4	1.4.10	TU 3.5	8	15832
KHỐI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG TỰ CHỌN			54				
32	17102	Tin học văn phòng	3	1.5.1	TU3	1	
33	11469	Pháp luật kinh tế	2	1.5.2	TU2.5	6	
34	15302	Luật Vận tải biển	3	1.5.3	IT2	7	15326
35	28103	Thị trường CK	2	1.5.4	IT3	6	15102
36	26101	MT & Bảo vệ MT	2	1.5.5	TU3	2	
37	29101	Kỹ năng mềm 1	2	1.5.6	T3	2	
38	29102	Kỹ năng mềm 2	2	1.5.7	T3	5	
39	15103	Kinh tế công cộng	3	1.5.8	IT2	2	
40	25101	Anh văn cơ bản 1	3	1.5.9	T2.5	2	
41	25102	Anh văn cơ bản 2	3	1.5.9	T3.0	3	
42	25103	Anh văn cơ bản 3	3	1.5.9	T3.5	4	
43	28239	Văn hoá kinh doanh	3	1.5.10	IT3	3	
44	28214	Quản trị doanh nghiệp	3	1.5.11	T3	4	
45	15211	Khoa học quản lý	2	1.5.12	IT2	5	
46	15619	Bảo hiểm trong ngoại thương	2	1.5.13	IT2.5	5	
47	15607	Khoa học giao tiếp	2	1.5.14	IT2.5	6	
48	15610	Nghiệp vụ hải quan	2	1.5.15	IT2	5	
49	28205	Quản trị nhân lực	3	1.5.16	IT2	7	
50	15640	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	1.5.17	IT2	1	
51	15812	Khóa luận tốt nghiệp	6	1.5.18	TU3.5	8	
52	15839	Kinh doanh dịch vụ Logistics	3	1.5.19	TU3.5	8	
53	15840	Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng	3	1.5.20	TU3.5	8	

2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ

Ma trận các học phần và kỹ năng, thái độ

HK	Mã HP	MÔN HỌC	2											3										4					
			2.1					2.2		2.4			2.5		3.1		3.2		3.3					4.1			4.2		
			1	2	3	4	5	1	2	1	2	3	1	2	1	2	1	2	1	2	3	4	5	1	2	3	1	2	
1	18125	Toán chuyên đề																											
	19106	NLCB của CN Mác-Lênin 1																											
	15101	Kinh tế vi mô	TU2.5		TU2.5									TU2.5	TU2.5														
	15115	Giới thiệu ngành kinh tế	IT2.0	I	IT2.0			I	I	IT2.0	IT2.0	IT2.0	IT2.0	IT2.0	IT2.0	I	I								IT2.0	I	I	I	
	28301	Tài chính tiền tệ	T2.5	T2.5				T2.5							T2.5		T2.5												
	17102	Tin học văn phòng																											
	15640	Quan hệ kinh tế quốc tế														TU2.0													
2	15102	Kinh tế vĩ mô	U2.5												U2.5	U2.5													
	11401	Pháp luật đại cương	TU2.5	TU2.5									IT2.0																
	19109	NLCB của CN Mác-Lênin 2																											
	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh																											
	25101	Anh văn cơ bản 1																	T2.5	T2.5	T2.5	T2.5	T2.5						
	15103	Kinh tế công cộng	TU2.0																										
	29101	Kỹ năng mềm 1	T3.0	T3.5	T3.0				T3.0							T3.0		T3.0	T3.0										
26101	MT & Bảo vệ MT																												
3	19301	Đường lối cách mạng ĐCSVN																											
	15117	Nguyên lý thống kê	TU3.0						T3.0				T3.0		T3.0	T3.0													
	28108	Nguyên lý kế toán	TU3.0	TU3.0																									

	28307	Thuế vụ								T2.5																	
	15105	Kinh tế lượng	TU2.5	TU2.5										U2.5	U2.5	U2.5											
	25102	Anh văn cơ bản 2															T3.0	T3.0	T3.0	T3.0	T3.0						
	28239	Văn hoá kinh doanh																									
4	15815	Logistics và vận tải ĐPT	U3.0	TU3.0		TU3.0								U3.0	U2.0												
	15635	Giao dịch thương mại quốc tế															T3.0						I2				
	15326	Kinh tế vận chuyển đường biển					T3.0				TU3.0			T3.0	T3.0												
	15805	Logistics toàn cầu	TU3.0			TU3.0				U3				U3.0	U3.0		U2.5			U3.5							U2
	25103	Anh văn cơ bản 3																T3.5	T3.5	T3.5	T3.5	T3.5					
	28214	Quản trị doanh nghiệp				T3.0					T2.5				T3.0						TU3.0						

2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

Học kỳ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			13						
1	18125	Toán chuyên đề	3	45				I	
2	19106	Những NLCB của CN Mác Lênin 1	2	20	20			I	
3	15101	Kinh tế vi mô	3	45				I	
4	15115	Giới thiệu ngành kinh tế	2	30				I	
5	28301	Tài chính tiền tệ	3	45				I	
Tự chọn			3						
6	17102	Tin học văn phòng	3	45				I	
7	15640	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	45				I	
		TỔNG	16						

Học kỳ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			10						
1	15102	Kinh tế vĩ mô	3	45				I	15101
2	11401	Pháp luật đại cương	2	30				I	
3	19109	Những NLCB của CN Mác Lênin 2	3	35	20			I	19106
4	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	20			I	19106
Tự chọn			5						
5	25101	Anh văn cơ bản 1	3					I	
6	15103	Kinh tế công cộng	3	45				I	
7	29101	Kỹ năng mềm 1	2	30				I	
8	26101	Môi trường và bảo vệ môi trường	2	30				I	
		TỔNG	15						

Học kỳ III

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			13						
1	19301	Đường lối cách mạng của Đảng	3	35	20			I	19106
2	15117	Nguyên lý thống kê	2	30				I	18125
3	28108	Nguyên lý kế toán	3	45				I	28301
4	28307	Thuế vụ	2	30				I	
5	15105	Kinh tế lượng	3	45				I	18125
Tự chọn			3						
6	25102	Anh văn cơ bản 2	3	45				I	
7	28239	Văn hóa kinh doanh	3	45				I	
		TỔNG	16						

Học kỳ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			13						
1	15815	Logistics và vận tải ĐPT	3	45				I	
2	15635	Giao dịch thương mại quốc tế	3	45				I	
3	15326	Kinh tế vận chuyển đường biển	3	45				I	
4	15805	Logistics toàn cầu	4	45		X		I	
Tự chọn			3						
5	25103	Anh văn cơ bản 3	3	45				I	
6	28214	Quản trị doanh nghiệp	3	45				I	
		TỔNG	16						

Học kỳ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
----	-------	--------------	----	----	-----------	-----	----	---------	--------------

Bắt buộc			12						
1	15329	Đại lý tàu và giao nhận hàng hóa	3	45				I	15102
2	15803	Logistics cảng biển	4	45				I	15101
3	15631	Pháp luật thương mại quốc tế	3	45				I	
4	15831	Thực tập cơ sở ngành	2	30				II	
Tự chọn			4						
5	15211	Khoa học quản lý	2	30				I	
6	15610	Nghiệp vụ hải quan	2	30				I	
7	15619	Bảo hiểm trong ngoại thương	2	30				I	
8	29102	Kỹ năng mềm 2	2	30				I	
TỔNG			16						

Học kỳ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			13						
1	15814	Logistics dịch vụ	3	45				I	15805
2	15804	Logistics vận tải	5	45			X	I	15815
3	15133	Phân tích hoạt động kinh tế	3	45				I	
4	15816	Marketing Logistics	2	30				I	
Tự chọn			4						
5	15607	Khoa học giao tiếp	2	30				I	
6	28103	Thị trường chứng khoán	2	30				I	15102
7	11469	Pháp luật kinh tế	2	30				I	
TỔNG			17						

Học kỳ VII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			13						

1	15811	Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng	2	30				I	15815
2	15807	Thiết kế hệ thống logistics	4	45		X		I	15815
3	15817	Quản trị kho hàng	5	45			X	I	15815
4	15832	Thực tập chuyên ngành	2					II	15831
Tự chọn			3						
5	15302	Luật vận tải biển	3	45				I	15326
6	28205	Quản trị nhân lực	3	45				I	
TỔNG			16						

Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
Bắt buộc			4						
1	15833	Thực tập tốt nghiệp	4					II	15832
Tự chọn tốt nghiệp			6						
1	15812	Khóa luận tốt nghiệp	6					II	15803, 15804
2	15839	Kinh doanh dịch vụ Logistics	3	45				I	15803, 15804
3	15840	Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng	3	45				I	15803, 15804
TỔNG			10						

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học: bằng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nêu trên cộng thêm 03 năm.

2.4. Tóm tắt các học phần

5.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin I

2TC

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung học phần:

Trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm tạo ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của môn học.

Bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác Lê nin: là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.

5.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin II 3TC

- *Điều kiện tiên quyết:* học sau Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin I.

- *Nội dung học phần:*

Bao quát những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa mà trọng tâm của nó là học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư, đồng thời đưa ra học thuyết kinh tế về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Nghiên cứu làm sáng tỏ vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa; quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; quy luật và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

5.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* đã học xong Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin.

- *Nội dung học phần:*

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh khái quát những nội dung cơ bản về con đường cách mạng Việt Nam, bao gồm: Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, về chủ nghĩa xã hội, về Đảng, về Nhà nước cũng như tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới, trong đó nội dung cốt lõi là Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Chỉ ra cơ sở khách quan – chủ quan trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, sinh viên nhận thức rõ giá trị và sức sống tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc và nhân loại.

5.4. Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam 3 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* đã học xong Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Nội dung học phần:*

Môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam đề cập đến các vấn đề: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); đường lối công nghiệp hoá; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; đường lối đối ngoại.

Thông qua những vấn đề trên, nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

5.5. Toán chuyên đề 3 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* không

- *Nội dung học phần:*

Nội dung của môn Toán chuyên đề kinh tế bao gồm: khái niệm về phép thử và biến cố, định nghĩa cổ điển về xác suất, khái niệm về tổng, tích các biến cố, các biến cố xung khắc, các biến cố độc lập, các biến cố đối lập, công thức cộng xác suất, nhân xác suất, khái niệm về dãy phép thử độc lập, công thức Bernoulli, khái niệm về đại lượng ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất của nó, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số quy luật phân phối xác suất thường gặp, khái niệm về tổng thể nghiên cứu, mẫu ngẫu nhiên một chiều và hai chiều, khái niệm về thống kê, phương pháp ước lượng tham số.

5.6. Pháp luật đại cương 2 TC

- *Học phần tiên quyết:* Không.

- *Nội dung học phần:*

Học phần Pháp luật đại cương gồm các nội dung đại cương về Nhà nước như: nguồn gốc Nhà nước, bản chất Nhà nước, bộ máy Nhà nước; Đại cương về pháp luật như: nguồn gốc pháp luật, bản chất pháp luật, chức năng pháp luật, thuộc tính pháp luật và một số vấn đề khác. Ngoài ra, học phần này còn đề cập tới vấn đề Phòng chống tham nhũng hiện nay ở Việt nam.

Sinh viên phải thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về các nội dung có liên quan đến môn học.

5.7. Giới thiệu ngành kinh tế 2 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* không

- *Nội dung học phần:*

Nội dung của học phần môn Giới thiệu ngành kinh tế nhằm cung cấp những nội dung cơ bản về chương trình đào tạo, giúp cho sinh viên có được những hiểu biết cơ bản về

ngành Kinh tế nói chung và hệ thống để định hướng nghề nghiệp cho sinh viên; giới thiệu cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản, thái độ, đạo đức, phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của ngành.

5.8. Kinh tế vi mô 3 TC

- *Học phần tiên quyết*: không.

- *Nội dung học phần*:

Những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế; Lý thuyết cung cầu; Lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất; Các cấu trúc của thị trường; Thị trường các yếu tố sản xuất; Cân bằng tổng thể và vai trò điều tiết thị trường của nhà nước.

5.9. Kinh tế vĩ mô 3 TC

- *Học phần tiên quyết*: Kinh tế vi mô.

- *Nội dung học phần*:

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức về nền kinh tế vĩ mô thông qua việc giới thiệu cho người học những khái niệm, cách tính toán cũng như ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, thất nghiệp, lạm phát, tổng cung, tổng cầu ... Đồng thời thông qua môn học, người học có được những hiểu biết về những chính sách của chính phủ đó là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ và tác động của chúng đến nền kinh tế. Cuối cùng là giới thiệu nền kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

5.10. Tài chính tiền tệ 3 TC

- *Học phần tiên quyết*: Sinh viên phải học và thi đạt các học phần sau mới được đăng ký học học phần này: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô.

- *Nội dung học phần*:

Tài chính tiền tệ là một trong những môn học cơ sở của ngành Tài chính kế toán, bởi vì sinh viên sẽ được làm quen với những khái niệm về tài chính tiền tệ cơ bản. Những khái niệm về Tài chính sẽ được giới thiệu từ tổng quát đến chi tiết trong suốt 9 chương cơ bản, từ định nghĩa về tiền tệ và tài chính (chương 1) và thị trường tài chính (Chương 2) cho đến các khái niệm chuyên môn như Tài chính công (Chương 3), tài chính doanh nghiệp (Chương 4 và 5) và các trung gian tài chính (Chương 6,7,8 và 9). Ngoài ra, phần lí thuyết trong môn học còn được bổ trợ bởi phần bài tập như bài tập về Hao mòn và Khấu Hao Tài sản cố định, Lãi suất tín dụng và Nghiệp vụ ngân hàng. Phần bài tập này chỉ mang tính chất tiền đề, giúp sinh viên có kiến thức cơ sở khi học các môn chuyên ngành khác của ngành Tài chính Kế toán.

5.11. Nguyên lý kế toán 3 TC

- *Học phần tiên quyết*: Sinh viên phải học các môn Lý thuyết tài chính tiền tệ, thuế vụ trước khi học học phần này.

- *Nội dung học phần*:

Học phần gồm 5 nội dung chính: Nội dung thứ nhất cung cấp những kiến thức cơ bản cơ bản về hạch toán kế toán, nội dung thứ hai nghiên cứu các báo cáo tài chính, nội dung thứ ba nghiên cứu các phương pháp kế toán: phương pháp tài khoản, ghi sổ kép, chứng từ, kiểm kê, nội dung thứ tư là kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu, nội dung thứ năm nghiên cứu cách ghi sổ kế toán và tổ chức công tác kế toán.

5.12. Nguyên lý thống kê 3 TC

- *Học phần tiên quyết*: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô.

- *Nội dung học phần*:

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguyên lý thống kê, công tác thống kê, các nguyên tắc, nguyên lý thống kê, các bảng biểu thống kê thường gặp trong thực tiễn thống kê chuyên ngành; xây dựng, cung cấp các phương pháp phân tích đánh giá mặt lượng các hoạt động kinh tế - xã hội của các tổ chức, đơn vị.

5.13 Kinh tế lượng 3TC

- *Học phần tiên quyết*: Toán chuyên đề

- *Nội dung học phần*:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và kỹ năng sử dụng các công cụ định lượng để phân tích, đánh giá, dự báo các sự kiện kinh tế.

5.14. Thuế vụ 2 TC

- *Học phần tiên quyết*: Tài chính - tiền tệ.

- *Nội dung học phần*:

Học phần gồm 2 phần chính. Phần thứ nhất cung cấp các cơ sở lý luận chung về thuế. Phần thứ hai là nội dung chi tiết các sắc thuế hiện hành ở Việt Nam bao gồm: Thuế xuất - nhập khẩu; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế bảo vệ môi trường; Thuế giá trị gia tăng; Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế thu nhập cá nhân; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Thuế tài nguyên; Thuế môn bài.

5.15. Logistics và vận tải đa phương thức

3 TC

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Nội dung học phần*:

Logistics và vận tải đa phương thức cung cấp các kiến thức cơ bản tổng quan về các hoạt động logistics, vận tải đa phương thức quốc tế; Các loại hình vận tải hàng XNK;

Khái quát về logistics; Vận tải đa phương thức quốc tế; Cơ sở vật chất kỹ thuật trong vận tải đa phương thức; Hệ thống luật thương mại và chứng từ trong vận tải đa phương thức; Tổ chức vận tải đa phương thức.

5.16. Kinh tế vận chuyển đường biển

3TC

-*Điều kiện tiên quyết:* Đã học kinh tế vi mô

-*Nội dung học phần:*

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về cung cầu trong vận tải biển, thị trường và giá cả, chi phí và lợi nhuận, các chỉ tiêu đánh giá công tác vận chuyển.

5.17. Đại lý và giao nhận hàng hóa **3 TC**

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Nội dung học phần:*

Cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về hoạt động đại lý và giao nhận hàng hóa và các khung pháp lý chi phối tới hoạt động đại lý và giao nhận ở Việt Nam.

5.18. Phân tích hoạt động kinh tế ngành logistics **3 TC**

- *Học phần tiên quyết:* Sinh viên đã học xong hầu hết các học phần chuyên môn chính của ngành học (thường chỉ dạy cho sinh viên ở học kỳ 7).

- *Nội dung học phần:*

Học phần Phân tích hoạt động kinh tế bao gồm các nội dung về cơ sở lý luận của PTHĐKT, đánh giá chung tình hình SXKD của doanh nghiệp, phân tích tình hình thực hiện chỉ tiêu sản lượng, tình hình sử dụng TSCĐ, tình hình Lao động – tiền lương, tình hình thực hiện chỉ tiêu giá thành, tình hình thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận, tình hình tài chính.

Một số vấn đề chung về giao nhận tại cảng, Hàng hóa và đóng gói hàng hóa trong vận tải, Giao nhận vận tải hàng hóa trong vận tải và Giao nhận hàng hóa trong vận tải đa phương thức.

5.19 Giao dịch thương mại quốc tế **3TC**

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Nội dung học phần:*

Cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về các hoạt động trong giao dịch thương mại quốc tế.

5.20. Pháp luật thương mại quốc tế **3 TC**

- *Học phần tiên quyết:* Pháp luật kinh tế

- *Nội dung học phần:*

Học phần gồm các nội dung chính sau: Nội dung thứ nhất là địa vị pháp lý của thương nhân. Nội dung thứ hai là phân tích các hoạt động thương mại: Mua bán hàng hóa.

Hoạt động trung gian thương mại: Đại diện cho thương nhân, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý thương mại. Hoạt động xúc tiến thương mại: khuyến mại, quảng cáo thương mại, trưng bày giới thiệu hàng hóa, dịch vụ, hội chợ, triển lãm thương mại. Các các hoạt động thương mại khác của thương nhân theo Luật thương mại 2005.

5.21. Thực tập cơ sở ngành logistics 2 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Không

- *Nội dung học phần:* Tham quan các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics.

5.22 Logistics toàn cầu 4TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Kinh tế vi mô

- *Nội dung học phần:*

Logistics toàn cầu cung cấp các kiến thức về toàn cầu hóa và thương mại quốc tế, hợp đồng kinh doanh quốc tế, chứng từ hàng hóa và vận tải, thanh toán quốc tế và an ninh logistics toàn cầu.

5.23. Marketing logistics

3TC

Điều kiện tiên quyết: Không

- *Nội dung học phần:*

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về marketing, quản trị marketing, môi trường và chiến lược marketing, thị trường marketing, quản lý marketing toàn cầu.

5.24 . Logitisc cảng biển

4TC

-*Điều kiện tiên quyết:* Đã học xong học phần Logistics &VTĐPT

-*Nội dung học phần:*

Học phần logistics cảng biển cung cấp kiến thức về các loại cảng biển, các hoạt động khai thác cảng biển, các dịch vụ logistics trong phạm vi cảng, vai trò của cảng đối với nền kinh tế quốc dân, các loại kế hoạch và phương pháp lập kế hoạch kinh doanh dịch vụ logistics của cảng biển.

5.25. Logistisc vận tải

5TC

-*Điều kiện tiên quyết:* Đã học xong học phần Logistics & VTĐPT

-*Nội dung học phần:*

Học phần logistics vận tải cung cấp cho người học kiến thức về các loại hình vận tải, phương pháp tổ chức vận tải của các phương thức vận tải, thị trường và giá cả dịch vụ vận tải, khả năng thiết kế các phương án vận tải hàng hóa tối ưu.

5.26. Quản trị chiến lược chuỗi cung ứng

2TC

-Điều kiện tiên quyết: Đã học xong học phần Logistics & VTĐPT

-Nội dung học phần:

Học phần quản trị chiến lược chuỗi cung ứng cung cấp cho người học các kiến thức về quản trị chiến lược chuỗi cung ứng, các nguyên tắc và cách thức điều hành chuỗi cung ứng, các nhân tố tác động lên chuỗi cung ứng, các chỉ tiêu đo lường hiệu quả chuỗi cung ứng.

5.27. Thiết kế hệ thống logistics

4TC

-Điều kiện tiên quyết: Đã học xong học phần Logistics & VTĐPT, Logistics toàn cầu.

-Nội dung học phần:

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng thiết lập hệ thống quản lý mạng logistics.

5.28. Quản trị kho hàng

5TC

-Điều kiện tiên quyết: Đã học xong học phần Logistics & VTĐPT

-Nội dung học phần:

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về kho hàng và các hoạt động chủ yếu của các loại kho hàng, các trang thiết bị và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kho hàng, quy trình hoạt động của kho hàng, lập và chu chuyển các chứng từ kho hàng, quản trị hàng tồn kho.

5.29 Logistics dịch vụ 3TC

-Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong Logistisc toàn cầu

-Nội dung học phần:

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về người cung cấp dịch vụ logistics, các dịch vụ logistics chủ yếu như dịch vụ môi giới hải quan, dịch vụ gom hàng, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ môi giới, đàm phán và thanh toán cước, dịch vụ quản lý phương tiện và công cụ vận tải, dịch vụ thương mại điện tử cũng như các vấn đề về dịch vụ khách hàng.

5.30. Thực tập chuyên ngành 4 TC

- Điều kiện tiên quyết: Thực tập cơ sở ngành

- *Nội dung học phần*: Sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics theo các lĩnh vực vận tải, kho hàng, đại lý hải quan, giao nhận hàng hóa, và nắm được quy trình, nghiệp vụ các hoạt động của các doanh nghiệp nói trên.

5.31. Thực tập và báo cáo tốt nghiệp 6 TC

- *Điều kiện tiên quyết*: Thực tập chuyên ngành

- *Nội dung học phần*: Sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp, sưu tầm số liệu cần thiết để viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn.

5.32. Tin học văn phòng 3TC

Học phần tiên quyết: không.

- *Nội dung học phần*:

Cách sử dụng và khai thác phần mềm MS Word. Soạn thảo một số văn bản thông dụng trong doanh nghiệp như: hợp đồng, quyết định. Cách sử dụng và khai thác phần mềm MS Excel. Ứng dụng Excel vào việc quản lý bán hàng, nhân sự tiền lương.

5.33. Anh văn cơ bản 1 3 TC

- *Điều kiện tiên quyết*: Không

- *Nội dung học phần*:

Chương trình học trên lớp bao quát các hiện tượng ngữ thường gặp trong giao tiếp, gồm các vấn đề về danh từ; đại từ, tính từ, trạng từ, câu so sánh của tính từ và trạng từ, các thời cơ bản trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, các hình thức của động từ, câu bị động, mệnh đề danh từ, mệnh đề quan hệ, mệnh đề trạng ngữ các loại, câu trần thuật, vv. Ngoài giờ học trên lớp, sinh viên có nghĩa vụ tự học bổ sung kiến thức theo sự định hướng của giáo viên trực tiếp giảng dạy. Nội dung tự học có liên quan, hỗ trợ cho nội dung giảng dạy trên lớp theo đường hướng đi sâu hoặc nâng cao đòi hỏi sinh viên dành khối lượng thời gian nhiều hơn so với thời lượng trên lớp để tự nghiên cứu tài liệu và vận dụng vào bài tập.

Các kiến thức tự học gồm: mạo từ, giới từ chỉ vị trí, các danh từ theo sau bởi giới từ, các vấn đề liên quan đến từ chỉ số, đại từ thay thế và đại từ tương hỗ; các tính từ đặc biệt chỉ đứng sau động từ nối, các tính từ theo sau bởi danh từ, trạng từ khác ngoài trạng từ thể cách, phụ tố, các loại so sánh đặc biệt, giả định thức, các dấu hiệu nhận biết thời, các động từ không dùng ở thời tiếp diễn, phân biệt một số cấu trúc thường gặp với một số động từ khuyết thiếu, nội động từ và ngoại động từ, các dạng bị động đặc biệt và các động từ không dùng trong cấu trúc bị động; động từ cụm kết hợp giới từ, động từ theo sau bởi giới từ, phân từ quá khứ theo sau bởi giới từ; các dạng câu hỏi, danh mệnh đề phân biệt với câu hỏi, phân biệt mệnh đề quan hệ hạn định và không hạn định, loại mệnh đề quan hệ bắt đầu bằng giới từ, bằng bỏ ngữ, mệnh đề đẳng lập, đảo

ngữ, các cách khác để diễn tả điều kiện, cách rút gọn mệnh đề trạng ngữ. Khối kiến thức tự học với thời lượng gấp đôi liên quan đến chủ đề ngữ pháp bổ sung và nâng cao giúp sinh viên nắm bắt thêm kiến thức cần thiết. Các bài tập cũng được bổ sung để sinh viên có thêm nhiều cơ hội tự thực hành để xử lý các dạng bài tập khác cũng như bài tập nâng cao.

5.34. Tiếng Anh cơ bản 2 2 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Anh Văn cơ bản 1

- *Nội dung học phân:*

Chương trình học trên lớp tập trung chủ yếu vào 4 nội dung chính. Nội dung 1 là hệ thống từ vựng cần thiết cho giao tiếp hàng ngày và công việc như: sự kiện, du lịch, khách sạn, hàng không, hợp đồng, thư tín, tuyển dụng, v.v. Nội dung 2 bao gồm hệ thống các hiện tượng ngữ pháp cơ bản, thường gặp trong các văn bản tại nơi làm việc. Nội dung 3 tập trung vào các giới thiệu các kỹ năng nghe cơ bản, giúp sinh viên có khả năng nghe hiểu tốt trong môi trường làm việc: nghe phân biệt các loại câu hỏi, nghe lấy thông tin chi tiết, nghe lấy ý chính, nghe và phân biệt các âm giống nhau, v.v. Nội dung 4 tập trung vào các kỹ năng đọc cơ bản giúp sinh viên xử lý văn bản hiệu quả trong môi trường làm việc: đoán nghĩa từ trong văn bản dựa vào văn cảnh, đọc hiểu bảng biểu, đơn mẫu, v.v.

Khối kiến thức tự học với thời lượng gấp đôi liên quan đến chủ đề từ vựng đã học trên lớp giúp sinh viên nắm bắt thêm về từ vựng cần thiết. Các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu cũng được bổ sung để sinh viên có thêm nhiều cơ hội tự thực hành và biết áp dụng được các kỹ năng giới thiệu trên lớp để xử lý các dạng giao tiếp ngôn bản, văn bản tương tự.

5.35. Tiếng Anh cơ bản 3 3 TC

- *Điều kiện tiên quyết:* Sinh viên đã học và đạt tư cách học Anh văn cơ bản 2. Sinh viên nên đạt trình độ A2 khung châu Âu trước khi đăng ký học phần này.

- *Nội dung học phân:*

Chương trình học trên lớp tập trung chủ yếu vào 4 nội dung chính. Nội dung 1 là hệ thống từ vựng cần thiết cho giao tiếp hàng ngày và công việc như: giải trí, mua sắm, du lịch, thời tiết, giao thông, sức khỏe, khám chữa bệnh, bảo hiểm, đặt hàng, gửi hàng, họp hội đồng, hội thảo, lưu kho, kế toán, đầu tư, và thuê mua bất động sản. Nội dung 2 tập trung vào các giới thiệu và thực hành các kỹ năng nghe cơ bản như: Nghe hiểu ý chính, nghe hiểu thông tin chi tiết, biết suy luận ý của người nói nhằm giúp sinh viên nghe hiểu tốt các tình huống hội thoại trong môi trường làm việc, các dạng bài đọc thoại như diễn văn, phát biểu, tin nhắn thoại, bản tin, thông báo, quảng cáo ... Nội dung 3 củng cố các kỹ năng đọc hiểu ở cấp độ đoạn, xử lý thông tin liên quan đến từ

vựng và ngữ pháp. Nội dung 4 ôn tập, củng cố các kỹ năng đọc đã được giới thiệu ở học phần Anh văn cơ bản 2, thực hành đọc hiểu văn bản ở cấp độ toàn bài và đối chiếu thông tin giữa các bài đọc ở các dạng văn bản khác nhau: thông báo, quảng cáo, email, memo, bảng biểu, sơ đồ, lịch trình, đơn hàng, báo giá

Khối kiến thức tự học với thời lượng gấp đôi liên quan đến chủ đề từ vựng đã học trên lớp giúp sinh viên nắm bắt thêm về từ vựng cần thiết. Các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu cũng được bổ sung để sinh viên có thêm nhiều cơ hội tự thực hành và biết áp dụng được các kỹ năng giới thiệu trên lớp để xử lý các dạng giao tiếp ngôn bản, văn bản tương tự.

5.36. Pháp luật Kinh tế 3 TC

- *Học phần tiên quyết:* Không

- *Nội dung học phần:*

Môn học gồm ba nội dung cơ bản, một là các vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật bao gồm: Bản chất nguồn gốc của nhà nước, Bộ máy Nhà nước, Bản chất nguồn gốc của pháp luật, Văn bản quy phạm pháp luật, Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; hai là Pháp luật về phòng chống tham nhũng; ba là pháp luật về doanh nghiệp: Các loại hình doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh và Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh thương mại.

5.37. Môi trường và bảo vệ môi trường 2 TC

- *Học phần tiên quyết:* Không.

- *Nội dung học phần:*

Học phần Môi trường và Bảo vệ môi trường gồm các nội dung: cấu trúc và chức năng của môi trường; các nguyên lý sinh thái học vận dụng trong khoa học môi trường; suy thoái và ô nhiễm các thành phần môi trường không khí, nước, đất; ô nhiễm môi trường bởi các tác nhân nhiệt, tiếng ồn, phóng xạ; nguyên nhân, biểu hiện và tác động của biến đổi khí hậu; mục đích, yêu cầu của phát triển bền vững và các nguyên tắc xây dựng một xã hội phát triển bền vững.

5.38. Kỹ năng mềm 1 2 TC

- *Học phần tiên quyết:* Không.

- *Nội dung học phần:*

Học phần Kỹ năng mềm gồm các nội dung về kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm. Ngoài các lý thuyết về khái niệm, vai trò, phương pháp thực hiện những kỹ năng trên, sinh viên được tham gia vào các bài tập tình huống cụ thể để áp dụng vào việc học tập, nghiên cứu và môi trường thực tế.

5.39. Kinh tế công cộng 3 TC

- *Học phần tiên quyết*: Kinh tế vi mô, Toán cao cấp.

- *Nội dung học phần*:

Học phần này gồm 06 chương, cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ đề kinh tế công cộng. Thứ nhất, nghiên cứu hiệu quả kinh tế cũng như các thất bại của thị trường và những chính sách can thiệp của Chính phủ. Thứ hai, nghiên cứu vấn đề nghèo đói, bất bình đẳng trong phân bổ thu nhập và vai trò của chính phủ trong tái phân bổ thu nhập. Thứ ba, tìm hiểu vai trò của chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa, vấn đề lựa chọn công cộng và các công cụ chính sách của chính phủ khi can thiệp vào cơ chế thị trường.

5.40 Văn hóa kinh doanh

3TC

- *Học phần tiên quyết*: không.

- *Nội dung học phần*:

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về môi trường văn hóa trong doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp cũng như năng suất lao động và các vấn đề cơ bản về văn hóa trong giao dịch kinh tế.

5.41. Thị trường chứng khoán 2 TC

- *Học phần tiên quyết*: Tài chính - tiền tệ.

- *Nội dung học phần*:

Tổng quan về thị trường chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích và đầu tư chứng khoán.

5.42. Quản trị doanh nghiệp 3 TC

- *Học phần tiên quyết*: Không.

- *Nội dung học phần*:

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị doanh nghiệp và sự vận dụng trong thực tiễn. Những khái niệm cơ bản về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp; các giai đoạn phát triển của quản trị doanh nghiệp; các chức năng cơ bản của nhà quản lý trong doanh nghiệp; nghiệp vụ quản lý nhân sự; nghiệp vụ quản lý chi phí và kết quả; đánh giá hiệu quả kinh doanh.

5.43. Quan hệ kinh tế thế giới

2TC

- *Học phần tiên quyết*: Không

- *Nội dung học phần*:

Bao gồm kinh tế thế giới, các đặc điểm kinh tế của các nền kinh tế thế giới, quan hệ kinh tế thương mại và các tổ chức kinh tế-thương mại thế giới và khu vực

5.44. Khoa học quản lý 2 TC

- *Học phần tiên quyết*: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

- *Nội dung học phần*:

Lý thuyết hệ thống trong quản lý; Tổng quan về quản lý; Các quy luật về nguyên tắc trong quản lý; Các chức năng quản lý; Các phương pháp và nghệ thuật quản lý.

5.45. Nghiệp vụ hải quan

2TC

-*Điều kiện tiên quyết*: Không

-*Nội dung học phần*:

Bao gồm các quy định pháp luật liên quan đến quản lý hàng hóa XNK, các quy chế hoạt động của cơ quan hải quan, các yêu cầu khai báo hải quan, thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK.

5.46. Bảo hiểm trong ngoại thương

2 TC

- *Học phần tiên quyết*: không

-*Nội dung học phần*:

Môn học gồm các nội dung cơ bản về bảo hiểm, Các loại hình bảo hiểm hàng hóa XNK, các đối tượng bảo hiểm của chủ hàng, các loại tổn thất và cách thức đòi bồi thường tổn thất.

5.47. Kỹ năng mềm 2

2TC

-*Điều kiện tiên quyết*: Không

-*Nội dung học phần*:

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức giao tiếp đàm phán và ký kết các hợp đồng dịch vụ logistics

5.48. Quản trị nhân lực

3TC

-*Điều kiện tiên quyết*: Không

-*Nội dung học phần*:

Bao gồm kiến thức về nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics.

5.49. Luật vận tải biển

3TC

-*Học phần tiên quyết*: Không

- *Nội dung học phần*: cung cấp toàn bộ những kiến thức cơ bản về pháp luật liên quan đến vận tải hàng hóa bằng đường biển, các quy định của pháp luật Việt nam và tập quán quốc tế về vận tải hàng hóa bằng đường biển.

5.50 Khoa học giao tiếp

2TC

-Học phần tiên quyết: Không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn thực hành các kỹ năng giao tiếp cần thiết trong môi trường kinh doanh, đặc biệt là giao tiếp trong môi trường kinh doanh quốc tế với các vấn đề về văn hóa, ngôn ngữ khác nhau giữa các quốc gia.